TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 284/2025/QĐST-HNGĐ	*Ba Đình, ngày 12 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 261/2025/TLST-VHNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2025 về yêu cầu "Công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Anh **Nguyễn Minh Đ**, sinh năm 1982; Căn cước công dân số: 0408200xxxx cấp ngày 24/4/2021 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ nơi ở: số A ngách B ngõ C đường Đ, phường L, thành phố Hà Nội.

- Chị **Văn Thị Khanh T**, sinh năm 1982; Căn cước công dân số: 00118201xxxx cấp ngày 15/5/2022 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; HKTT: số A phố C, phường C, quận H, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện tại: số A ngách B ngõ C đường Đ, phường L, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội của người yêu cầu là tự nguyện.

[2] Quan hệ hôn nhân của anh **Nguyễn Minh Đ** và chị **Văn Thị Khanh T** là hợp pháp có Giấy chứng nhận kết hôn số 74, ngày 05/6/2018 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

[3] Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các

đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**:

Anh Nguyễn Minh Đ và chị Văn Thị Khanh T thống nhất thuận tình ly hôn.

- **Về con chung**: Anh Nguyễn Minh Đ và chị Văn Thị Khanh T có 2 con chung là Nguyễn Nữ Huệ N, sinh ngày 30/3/2019 và Nguyễn Bảo C, sinh ngày 28/5/2020. Ly hôn, giao chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/2con/1 tháng kể từ tháng 5 năm 2025 đến khi con chung trường thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Đức có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- **Về tài sản chung (động sản và bất động sản):** Anh Nguyễn Minh Đ và chị Văn Thị Khanh T xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản vay nợ: Anh Nguyễn Minh Đ và chị Văn Thị Khanh T xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Văn Thị Khanh T tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0031xxx ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

Vũ Thị Nguyệt